



BẢN TIN THAN NGÀY

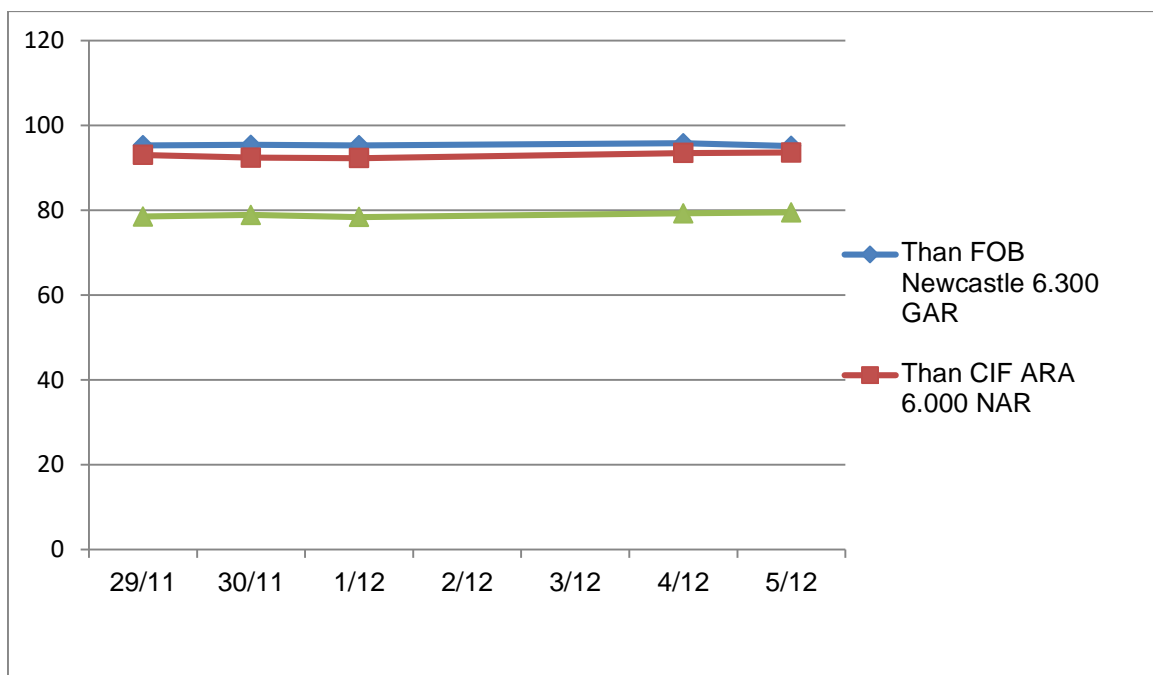
Ngày 07/12/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	95,15	-0,65	98,10	-0,70
CIF ARA 6.000 NAR	93,60	+0,10	93,80	+0,15
FOB Richards Bay 5.500 NAR	79,50	+0,25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	83,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	64,50	+0,25

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	52,70	+0,00	406,22	-0,25
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	72,20	+0,40	556,53	+2,75
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	84,90	+0,20	654,43	+1,15

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 05/12/2017)

DIỂM TIN

Lượng than xuất khẩu tháng 10 của Mỹ đạt mức cao nhất từ tháng 3/2014

Tổng lượng than xuất khẩu của Mỹ đạt 8,31 triệu tấn trong tháng 10, tăng 3% so với tháng 9 và tăng 88,3% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu từ US Census Bureau hôm thứ 3 vừa qua. Đây là tháng có lượng than xuất khẩu cao nhất kể từ hồi tháng 3/2014 với 9,5 triệu tấn. Tính từ đầu năm đến tháng 10, lượng than xuất khẩu của Mỹ đã đạt 70,7 triệu tấn, tăng 70% so với cùng khoảng thời gian năm ngoái, với tốc độ này dự báo Mỹ sẽ xuất khẩu 84,8 triệu tấn trong cả năm nay, tăng 55,1% so với sản lượng 54,7 triệu tấn năm 2016.

Sự gia tăng này chủ yếu là từ xuất khẩu than nhiệt do xuất khẩu than luyện kim đã giảm từ tháng trước đó. Sản lượng than bitum xuất khẩu trong tháng 10 của Mỹ đạt 3,4 triệu tấn, tăng 41,4% so với tháng 9 và tăng 160,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 10 tháng đầu năm 2017, sản lượng than bitum xuất khẩu đạt tổng cộng 23 triệu tấn, tăng 61,1% so với cùng kỳ năm ngoái, dự báo có thể đạt 27,6 triệu tấn sản lượng trong năm 2017.

Các quốc gia nhập khẩu than bitum của Mỹ lớn nhất gồm có Ấn Độ đạt 892.838 tấn, so với 191.627 tấn năm 2016; Hà Lan đạt 568.302 tấn, so với 444.147 tấn năm 2016; Đức đạt 451.693 tấn, so với 222.608 tấn năm 2016. Các thị trường lớn nhất cho than bitum của Mỹ trong 10 tháng đầu năm 2017 là Hà Lan đạt 5 triệu tấn, so với 3,92 triệu tấn trong cùng kỳ năm ngoái; Ấn Độ đạt 4,75 triệu tấn, so với 1,73 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái; và Đức đạt 1,87 triệu tấn, so với 1,45 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái.

Sản lượng than á bitum Mỹ xuất khẩu đạt tổng cộng 628.918 tấn trong tháng 10, tăng 7,5% so với tháng 9 và tăng 254% so với cùng kỳ năm 2016. Trong 10 tháng đầu năm 2017, sản lượng than á bitum xuất khẩu của Mỹ đạt tổng cộng 6,19 triệu tấn, tăng 163,5% so với cùng kỳ năm 2016, với tốc độ hiện tại dự báo sản lượng có thể đạt 7,4 triệu tấn trong năm nay. Các nước nhập khẩu than á bitum của Mỹ trong tháng 10 gồm Hàn Quốc với 313.269 tấn so với 14.601 tấn năm 2016; Mexico đạt 210.515 tấn, so với 161.129 tấn năm 2016; và Đài Loan đạt 104.794 tấn, so với năm 2016 không nhập khẩu tấn than nào. Hàn Quốc cũng là nước nhập khẩu than á bitum của Mỹ lớn nhất với 3,06 triệu tấn trong 10 tháng đầu năm 2017, so với 64.108 tấn cùng kỳ năm 2016; theo sau là Mexico nhập khẩu 1,83 triệu tấn, so với 1,33 triệu tấn cùng kỳ năm 2016; tiếp đến là Morocco nhập khẩu 432.616 tấn, so với năm 2016 không nhập khẩu tấn than nào.

Giá cước vận tải tại các cảng của Trung Quốc tiếp tục tăng

Theo cảng vụ Qinghuangdao hôm thứ 3 vừa qua, giá cước vận tải tại cảng này đến các cảng Zhangjiagang, Shanghai, và Guangzhou thuộc phía Đông và phía Nam Trung Quốc tiếp tục tăng trong tuần này. Giá cước vận tải cho hàng khô rời từ Qinhuangdao đến Zhangjiagang thuộc tỉnh Jiangsu phía Đông Trung Quốc cho tàu trọng tải từ 20.000 – 30.000 tấn đã tăng 1,50 NDT so với tuần trước lên mức 64,50 NDT/tấn (9,55 USD/tấn) hôm 5/12 vừa qua. Giá cước từ Qinhuangdao đến Shanghai ở phía Đông Trung Quốc cho tàu có trọng tải từ 40.000 – 50.000 tấn tăng 1,80 NDT so với tuần trước lên mức 56,70 NDT/tấn hôm 5/12. Giá cước từ Qinhuangdao đến Guangzhou ở phía Nam Trung Quốc cho tàu có trọng tải từ 50.000 – 60.000 tấn tăng lên mức 64,80 NDT/tấn từ mức 64,90 NDT/tấn tuần trước. Cảng vụ cho biết thêm các NMNĐ tăng cường mua than cho mùa đông sắp tới đã khiến giá cước vận tải tăng lên. Trong khi đó, lượng than dự trữ tại cảng Qinhuangdao ở mức 6,49 triệu tấn hôm 5/12 vừa qua, giảm từ 6,85 triệu tấn hôm 28/11.

Lượng than dự trữ tại các NMNĐ của Ấn Độ tăng trong tuần này

Theo dữ liệu được công bố bởi Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ (Central Electricity Authority), lượng than nhiệt dự trữ tại kho của các NMNĐ tại Ấn Độ đã lên mức 10,25 triệu tấn hôm 30/11, tăng 14,2% từ mức 8,97 triệu tấn trong tuần trước đó. Lượng than dự trữ tại kho đã giảm 47,5% so với cùng kỳ năm ngoái, và chỉ đủ để cho các NMNĐ vận hành trong 7 ngày. Trong khi đó hồi tuần trước lượng than dự trữ tại các kho cũng chỉ đủ cung cấp cho 6 ngày vận hành của các nhà máy. Số lượng NMNĐ rơi vào tình trạng khẩn cấp và rất khẩn cấp giảm xuống 15 nhà máy từ con số 20 nhà máy trong tuần trước đó, con số thấp nhất kể từ ngày 23/9 năm nay. Lượng than nhập khẩu dự trữ tại các kho đã tăng 19,26% lên mức 322.000 tấn từ mức 270.000 tấn hôm 22/11, nhưng lại giảm 78,62% so với cùng kỳ năm ngoái.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize	Úc	Trung Quốc	11,75	-0,30
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	13,30	-0,30
	New South Wales	Hàn Quốc	13,65	-0,30
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,25	+0,00
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,70	-0,05
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,60	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,30	-0,05
	Úc	Trung Quốc	11,90	+0,00
	Úc	Ấn Độ	13,40	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 05/12/2017)